



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 4

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP QUÝ 2 - 2014

Khánh Hòa, tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		118.623.584.485	133.538.384.379
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		989.224.994	4.166.428.330
1. Tiền	111	V.1	989.224.994	4.166.428.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.217.697.673	115.053.459.330
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	102.681.495.610	127.042.235.617
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	8.887.348.335	5.505.929.961
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	270.782.895	127.222.919
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.621.929.167)	(17.621.929.167)
IV. Hàng tồn kho	140		15.147.830.906	12.401.202.367
1. Hàng tồn kho	141	V.5	15.147.830.906	12.401.202.367
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.268.830.912	1.917.294.352
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	37.937.527
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	316.602.671
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	8.268.830.912	1.562.754.154



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132.504.638.541	131.964.684.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.379.832.818	2.379.832.818
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.7	2.379.832.818	2.379.832.818
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		23.064.302.699	23.877.998.987
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.573.394.658	8.169.779.358
<i>Nguyên giá</i>	222		29.635.343.953	29.635.343.953
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.061.949.295)	(21.465.564.595)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.490.908.041	15.708.219.629
<i>Nguyên giá</i>	228		18.665.015.255	18.665.015.255
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.174.107.214)	(2.956.795.626)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		106.400.000.000	104.966.118.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	103.850.000.000	102.416.118.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	2.550.000.000	2.550.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		660.503.024	740.734.545
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	575.503.024	650.734.545
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		85.000.000	90.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		251.128.223.026	265.503.068.729

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

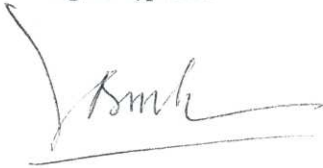
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		86.404.457.869	102.827.565.699
I. Nợ ngắn hạn	310		79.010.335.449	92.494.955.201
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	12.451.532.000	17.729.680.000
2. Phải trả người bán	312	V.14	8.026.528.221	8.593.540.677
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	22.562.487.033	16.259.635.907
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.567.893.114	3.268.750.179
5. Phải trả người lao động	315		4.326.400.817	15.922.814.435
6. Chi phí phải trả	316		7.799.754.000	8.699.754.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	14.909.646.302	14.556.255.041
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	7.366.093.962	7.464.524.962
II. Nợ dài hạn	330		7.394.122.420	10.332.610.498
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	7.394.122.420	10.332.610.498
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		164.723.765.157	162.675.503.030
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	164.723.765.157	162.675.503.030
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.996.140.000	145.996.140.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(15.784.110.000)	(15.784.110.000)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(745.850.060)	(745.850.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.166.292.154	20.166.292.154
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.586.968.453	6.586.968.453
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.721.694.867	1.721.694.867
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.782.629.743	4.734.367.616
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		251.128.223.026	265.503.068.729

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

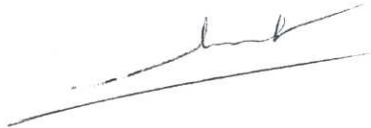
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		350,80	314,70
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng



Vũ Thành Danh

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2014

Tổng giám đốc



Phạm Minh Sơn

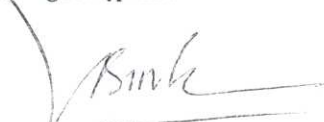
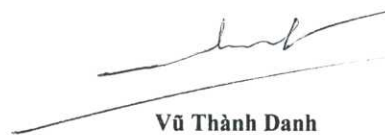
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	17.191.289.915	12.020.765.441	35.327.135.326	37.022.100.581
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		17.191.289.915	12.020.765.441	35.327.135.326	37.022.100.581
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12.279.865.763	6.514.646.247	24.455.588.943	21.772.682.677
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.911.424.152	5.506.119.194	10.871.546.383	15.249.417.904
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.369.451	30.140.634	59.745.540	140.789.908
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	345.098.183	1.169.006.643	654.219.230	2.269.366.855
Trong đó: chi phí lãi vay	23		303.772.222	1.166.047.000	611.744.444	2.260.958.556
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	3.804.746.938	3.315.271.762	7.655.019.745	7.559.984.751
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		796.948.482	1.051.981.423	2.622.052.948	5.560.856.206
11. Thu nhập khác	31		3.309.000	97.500	3.958.000	97.500
12. Chi phí khác	32		26.412	23.517.388	26.412	23.517.388
13. Lợi nhuận khác	40		3.282.588	(23.419.888)	3.931.588	(23.419.888)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		800.231.070	1.028.561.535	2.625.984.536	5.537.436.318
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	176.056.646	454.333.480	577.722.409	1.770.740.218
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		624.174.424	574.228.055	2.048.262.127	3.766.696.100
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	43	63	141	415

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Lê Thanh Bình

Vũ Thành Danh

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2014
Tổng giám đốc



Phạm Minh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.625.984.536	5.537.436.318
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8,9	813.696.288	990.827.618
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(113.777.779)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	611.744.444	2.260.958.556
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.051.425.268	8.675.444.713
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.933.908.356	11.246.777.697
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.746.628.539)	(3.899.238.465)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.333.287.977)	(36.989.883.780)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		113.169.048	(23.945.494)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(67.994.444)	(116.734.722)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	-	(5.210.094.082)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	7.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.499.515.731)	(334.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.451.075.981	(26.645.534.133)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,9	-	(71.393.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.433.882.000)	(45.910.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.805.761	113.777.779
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.419.076.239)	(3.525.857)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

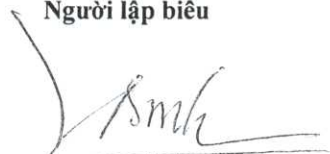
Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Nha Trang - Khánh Hòa

Mẫu số B03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		13.580.030.198	27.370.010.737
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(21.789.233.276)	(7.083.600.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.209.203.078)	20.286.410.737
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.177.203.336)	(6.362.649.253)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.166.428.330	6.901.954.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	989.224.994	539.305.200

Người lập biểu



Trần Lê Thanh Bình

Kế toán trưởng



Vũ Thành Danh

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2014

Tổng giám đốc



Phạm Minh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh:** Dịch vụ tư vấn
- 3. Ngành nghề kinh doanh:** Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện
- 4. Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty:**

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm tính khấu hao</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc thiết bị	03 – 06
- Phương tiện vận chuyển	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31/12/2005.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn của cổ đông đã đầu tư.
- Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	703.850.430	186.376.000
Tiền gửi ngân hàng	285.374.564	3.980.052.330
Cộng	<u>989.224.994</u>	<u>4.166.428.330</u>

2. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong EVN và NPT	29.828.510.526	46.778.636.179
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	72.852.985.084	80.263.599.438
Cộng	<u>102.681.495.610</u>	<u>127.042.235.617</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đoàn đo đạc biên vẽ hải đồ và nghiên cứu biển	5.181.000.000	2.681.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	269.146.436	269.146.436
Các khách hàng khác	2.640.100.799	1.758.682.425
Cộng	<u>8.887.348.335</u>	<u>5.505.929.961</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của người lao động	45.000.000	89.500.000
Các khoản phải thu khác	225.782.895	37.722.919
Cộng	<u>270.782.895</u>	<u>127.222.919</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	538.773.158	606.813.981
Công cụ, dụng cụ tồn kho	38.865.847	27.130.643
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.570.191.901	11.767.257.743
Cộng	<u>15.147.830.906</u>	<u>12.401.202.367</u>

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng cho người lao động	8.268.830.912	1.562.754.154

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	8.268.830.912	1.562.754.154

7. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Thủy Điện 1	184.144.863	184.144.863
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Nho Quế	1.532.762.821	1.532.762.821
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	506.106.834	506.106.834
Các khách hàng khác	156.818.300	156.818.300
Cộng	2.379.832.818	2.379.832.818

8. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà xưởng, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.104.595.287	7.837.767.082	10.750.893.874	942.087.710	29.635.343.953
Đầu tư mới	-	-	-	-	-
Điều chỉnh	-	-	-	-	-
Số cuối quý	10.104.595.287	7.837.767.082	10.750.893.874	942.087.710	29.635.343.953
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.274.051.404	7.410.670.353	10.064.746.682	716.096.156	21.465.564.595
Trích khấu hao	271.427.442	103.655.478	167.007.195	54.294.585	596.384.700
Điều chỉnh	-	-	-	-	-
Số cuối quý	3.545.478.846	7.514.325.831	10.231.753.877	770.390.741	22.061.949.295
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	6.830.543.883	427.096.729	686.147.192	225.991.554	8.169.779.358
Số cuối quý	6.559.116.441	323.441.251	519.139.997	171.696.969	7.573.394.658

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất không thời hạn</u>	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.107.552.255	18.665.015.255
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Điều chỉnh	-	-	-	-
Số cuối quý	7.093.957.000	9.463.506.000	2.107.552.255	18.665.015.255
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.077.910.905	1.878.884.721	2.956.795.626
Khấu hao trong kỳ	-	99.752.400	117.559.188	217.311.588
Điều chỉnh	-	-	-	-
Số cuối quý	-	1.177.663.305	1.996.443.909	3.174.107.214

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.093.957.000	8.385.595.095	228.667.534	15.708.219.629
Số cuối quý	7.093.957.000	8.285.842.695	111.108.346	15.490.908.041

10. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	10.385.000	103.850.000.000	10.241.612	102.416.118.000
Cộng		103.850.000.000		102.416.118.000

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nha Trang – Hà Nội	1.500.000.000	1.500.000.000
Góp vốn vào Công ty cổ phần EVN Quốc tế	1.050.000.000	1.050.000.000
Cộng	2.550.000.000	2.550.000.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

Phát sinh trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu 2014
Số đầu kỳ	650.734.545
Phát sinh tăng	167.485.966
Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh	(242.717.487)
Số cuối kỳ	575.503.024

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa	800.000.000	4.500.000.000
Vay của CBCNV	8.651.532.000	13.229.680.000
Vay EVN đến hạn trả	3.000.000.000	-
Cộng	12.451.532.000	17.729.680.000

14. Phải trả cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	983.545.000	983.545.000
Cty TNHH 1 thành viên khảo sát xây dựng 2	714.319.641	876.158.641
Viện Năng lượng	740.310.000	871.214.289
Xí nghiệp đo đạc bản đồ Nông nghiệp 1	733.998.010	733.998.010
Tổng công ty tư vấn xây dựng thủy lợi VN	406.352.630	406.352.630

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm trắc địa bản đồ biển	500.000.000	-
Công ty CP Tư vấn xây dựng 533 phía nam	351.599.627	-
Các nhà cung cấp khác	3.596.403.313	4.722.272.107
Cộng	<u>8.026.528.221</u>	<u>8.593.540.677</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các đơn vị trong EVN và NPT	17.846.077.043	11.892.247.326
Các đơn vị ngoài EVN và NPT	4.716.409.990	4.367.388.581
Cộng	<u>22.562.487.033</u>	<u>16.259.635.907</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối quý</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.221.903.579	5.290.517.473	(7.234.400.576)	1.278.020.476
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(316.602.671)	577.722.409	-	261.119.738
Thuế thu nhập cá nhân	46.846.600	405.467.800	(423.561.500)	28.752.900
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	3.123.300	(3.123.300)	-
Các loại thuế khác	-	76.130.492	(76.130.492)	-
Cộng	<u>2.952.147.508</u>	<u>6.352.961.474</u>	<u>(7.737.215.868)</u>	<u>1.567.893.114</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số VI.6.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được trình bày tại thuyết minh số VI.6

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	2.453.144.745	2.917.615.657
Bảo hiểm xã hội tỉnh Khánh Hòa	428.598.399	-
Phải trả EVN về tiền lãi vay dài hạn & lãi trái phiếu	9.028.218.424	8.484.468.424
Tiền góp vốn vào Cty CP TĐ Buôn Đôn từ các cổ đông khác	2.703.390.000	2.690.970.000
Các khoản khác	296.294.734	463.200.960
Cộng	<u>14.909.646.302</u>	<u>14.556.255.041</u>

18. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.394.122.420	10.332.610.498

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cổ phiếu quỹ
Số đầu năm trước	91.404.550.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.317.393.690	20.215.058.855	(742.100.060)
Tăng trong kỳ	-	-	-	404.301.177	3.766.696.100	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	(1.915.054.120)	-
Số dư cuối kỳ này năm trước	91.404.550.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	22.066.700.835	(742.100.060)
Số dư đầu năm nay	145.996.140.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	4.734.367.616	(745.850.060)
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	2.048.262.127	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này năm nay	145.996.140.000	20.166.292.154	6.586.968.453	1.721.694.867	6.782.629.743	(745.850.060)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số tiền góp vốn tại ngày 30/06/2014	Tỷ lệ %
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	104.478.440.000	71,56
Các cổ đông khác	41.517.700.000	28,44
Cộng	145.996.140.000	100,00

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 là 145.996.140.000 VND, được chia thành 14.599.614 cổ phần phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	6 tháng đầu 2014
Số đầu kỳ	7.464.524.962
Trích quỹ từ lợi nhuận	-
Thu từ các khoản khác	15.000.000
Chi theo quy định	(113.431.000)
Số cuối kỳ	7.366.093.962

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ**

	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
Doanh thu hoạt động khảo sát	16.080.908.081	11.902.701.261
Doanh thu hoạt động thiết kế	19.246.227.245	25.119.399.320
Cộng	<u>35.327.135.326</u>	<u>37.022.100.581</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
Giá vốn hoạt động khảo sát	11.464.413.071	6.718.822.140
Giá vốn hoạt động thiết kế	12.991.175.872	15.053.860.537
Cộng	<u>24.455.588.943</u>	<u>21.772.682.677</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.856.570	139.244.941
Chênh lệch tỷ giá	43.888.970	1.544.967
Cộng	<u>59.745.540</u>	<u>140.789.908</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
Chi phí lãi vay	611.744.444	738.951.389
Chi phí lãi trái phiếu	-	1.522.007.167
Chi phí chênh lệch tỷ giá	42.474.786	8.408.299
Cộng	<u>654.219.230</u>	<u>2.269.366.855</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
Chi phí cho nhân viên	3.437.613.498	3.391.230.376
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	107.257.428	175.200.591
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.402.585	58.428.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.603.274	425.884.007
Chi phí khác	3.723.142.960	3.509.241.367
Cộng	<u>7.655.019.745</u>	<u>7.559.984.751</u>

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.625.984.536	5.537.436.318
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	26.412	1.545.524.555
Tổng thu nhập chịu thuế	2.626.010.948	7.082.960.873
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	<u>577.722.409</u>	<u>1.770.740.218</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP.Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

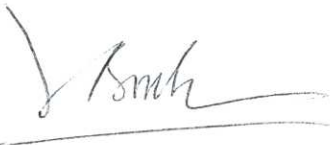
	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
<i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước</i>	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>577.722.409</u>	<u>1.770.740.218</u>
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	<u>6 tháng đầu 2014</u>	<u>6 tháng đầu 2013</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	577.722.409	3.766.696.100
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	577.722.409	3.766.696.100
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.535.091	9.076.307
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>141</u>	<u>415</u>

Nha Trang, ngày 20 tháng 07 năm 2014

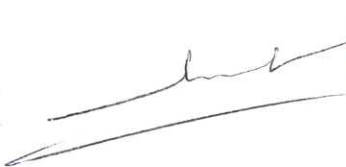
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Lê Thanh Bình



Vũ Thành Danh



Phạm Minh Sơn



EVN PECC4

TRỤ SỞ CHÍNH

11 Hoàng Hoa Thám, Thành Phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: 058. 3563 999 - 058. 3823 780 • Fax: 058. 3563 888 - 058. 3824 208
Email: tv4@pecc4.vn • Website: www.pecc4.vn

CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Lô 3, TT4, Ngõ 183, Phố Hoàng Văn Thái
Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
ĐT: 04. 22183872 - 04. 22183870 • Fax: 04. 6285 5759
Email: pecc4cnphiabac@gmail.com

CHI NHÁNH PHÍA NAM

46/8 Trần Quý Khoách, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: 08. 35268347 | Fax: 08. 35267790 • Email: tv4vpphanam@vnn.vn